



DOI:10.22144/ctu.jos.2025.092

KHẢO SÁT NHU CẦU CẦN ĐƯỢC HỖ TRỢ TRONG HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN KHOA NGOẠI NGỮ, TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Phạm Mai Anh*, Lê Xuân Mai và Nguyễn Thị Khánh Đoàn

Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Cần Thơ, Việt Nam

*Tác giả liên hệ (Corresponding author): pmanh@ctu.edu.vn

Thông tin chung (Article Information)

Nhận bài (Received): 05/12/2024

Sửa bài (Revised): 20/12/2024

Duyệt đăng (Accepted): 13/04/2025

Title: An investigation into the academic support needs of students at School of Foreign Languages, Can Tho University

Author: Pham Mai Anh*, Le Xuan Mai and Nguyen Thi Khanh Doan

Affiliation(s): School of Foreign Languages, Can Tho University, Viet Nam

TÓM TẮT

Trong nghiên cứu, nhu cầu hỗ trợ học tập của sinh viên Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Cần Thơ đã được khảo sát nhằm xác định các nhu cầu cụ thể, đánh giá hiệu quả của các dịch vụ hiện có và đề xuất giải pháp phù hợp. Dữ liệu được thu thập thông qua bảng câu hỏi, áp dụng cho sinh viên thuộc nhiều ngành học và năm học khác nhau, sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng. Kết quả cho thấy sinh viên cần được hỗ trợ trong các lĩnh vực như kỹ năng học tập, sức khỏe tinh thần, định hướng nghề nghiệp và tham gia các hoạt động ngoại khóa. Đồng thời, những hạn chế trong các dịch vụ hỗ trợ hiện tại và những vấn đề cần được cải thiện cũng đã được chỉ ra trong nghiên cứu. Các phát hiện từ nghiên cứu này nhấn mạnh vai trò quan trọng của việc xây dựng các chiến lược hỗ trợ học tập hiệu quả, nhằm nâng cao sự hài lòng và thành công trong học tập của sinh viên.

Từ khóa: Dịch vụ hỗ trợ, hỗ trợ học tập, kỹ năng học tập, sức khỏe tinh thần, sinh viên, Trường Đại học Cần Thơ

ABSTRACT

This study examines the academic support needs of students at School of Foreign Languages, Can Tho University, with the aim of identifying specific requirements, evaluating the effectiveness of existing services, and proposing appropriate solutions. Data were collected through questionnaires administered to students across various disciplines and academic levels using a quantitative research approach. The findings indicate that students require support in areas such as study skills, mental health, career orientation, and participation in extracurricular activities. Furthermore, the study highlights the limitations of current support services, emphasizing areas that need improvement. These results underscore the critical importance of developing effective academic support strategies to enhance student satisfaction and academic success.

Keywords: Academic support, Can Tho University, mental health, study skills, students, support services

1. GIỚI THIỆU

Việc nghiên cứu về nhu cầu hỗ trợ của sinh viên trong môi trường đại học đã thu hút sự quan tâm đáng kể từ các trường trên thế giới. Theo nghiên cứu của Harvey và Newton (2004), việc đảm bảo chất lượng giáo dục đại học bao gồm các chính sách và thực hành nhằm duy trì và nâng cao chất lượng đào tạo, trong đó việc hỗ trợ sinh viên đóng vai trò then chốt. Các trường đại học hàng đầu đã triển khai nhiều chương trình hỗ trợ đa dạng, từ học thuật đến tâm lý, nhằm tạo điều kiện tối ưu cho sinh viên phát triển toàn diện.

Tại Việt Nam, các trường đại học cũng nhận thức rõ tầm quan trọng của việc hỗ trợ sinh viên và đang tích cực tìm kiếm giải pháp hiệu quả. Theo nghiên cứu của Nguyen (2018), công tác tư vấn nghề nghiệp cho sinh viên ở các trường đại học Việt Nam còn tồn tại nhiều vấn đề, như thiếu bộ phận chuyên trách và đội ngũ tư vấn chưa được đào tạo bài bản. Qua đó cho thấy nghiên cứu về nhu cầu cần được hỗ trợ của sinh viên là vấn đề rất cấp thiết giúp các trường đáp ứng đầy đủ yêu cầu của sinh viên trong suốt quá trình theo học tại nhà trường.

Trường Đại học Cần Thơ với vai trò là một trong những cơ sở giáo dục hàng đầu khu vực đồng bằng sông Cửu Long, cần chú trọng đến việc hỗ trợ sinh viên nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và uy tín của nhà trường. Đặc biệt, tại Khoa Ngoại ngữ, sinh viên thường đối mặt với nhiều thách thức trong việc học tập và phát triển kỹ năng ngôn ngữ. Theo khảo sát của Tran (2020), sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh cần sự hỗ trợ từ giảng viên và cô vấn học tập có chuyên môn sâu về ngôn ngữ học, văn học và giảng dạy tiếng Anh. Do đó, việc nghiên cứu nhu cầu hỗ trợ của sinh viên Khoa Ngoại ngữ là cần thiết để đề xuất các biện pháp hỗ trợ hiệu quả, giúp sinh viên vượt qua khó khăn và phát triển toàn diện. Kết quả nghiên cứu sẽ giúp Khoa ngoại ngữ xác định được các nguyên nhân tác động đến nhu cầu của sinh viên, từ đó có những giải pháp và sự hỗ trợ kịp thời.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp nghiên cứu trong đề tài này được thiết kế nhằm đảm bảo tính toàn diện và khả năng tái áp dụng, gồm các bước cụ thể như sau:

Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu trong đề tài này là nghiên cứu định lượng. Dữ liệu được thu nhập dựa trên bảng câu hỏi khảo sát. Dữ liệu được phân tích qua các bước đánh giá độ tin cậy của thang đo bằng Cronbach's Apha,

phân tích nhân tố khám phá (EFA), phân tích hồi quy bội. Số liệu được xử lý bằng phần mềm SPSS.

Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng tham gia khảo sát là sinh viên Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Cần Thơ, bao gồm các ngành học (Ngôn ngữ Anh và Ngôn ngữ Pháp) và các năm học từ năm thứ nhất đến năm cuối. Việc chọn đối tượng đảm bảo tính đại diện cho toàn bộ sinh viên trong khoa.

Địa điểm và thời gian nghiên cứu

Đề tài được thực hiện tại Khoa Ngoại ngữ. Dữ liệu được thu thập trong khoảng thời gian từ tháng 1 đến tháng 6 năm 2024, nhằm đảm bảo tính cập nhật và phản ánh chính xác thực trạng nhu cầu hỗ trợ học tập của sinh viên trong giai đoạn nghiên cứu.

Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu

Theo Trong and Chu (2008), cỡ mẫu được xác định dựa trên yêu cầu đảm bảo độ tin cậy và tính đại diện của nghiên cứu. Với tổng thể sinh viên lớn hơn 1000, cỡ mẫu được xác định theo phương pháp tính toán của Krejcie và Morgan, với quy mô mẫu tối thiểu là 200 – 300 mẫu. Phương pháp chọn mẫu phân tầng (stratified sampling) được áp dụng, chia tổng thể sinh viên thành các tầng theo các tiêu chí như năm học và ngành học. Từ mỗi tầng, các sinh viên được chọn ngẫu nhiên nhằm đảm bảo rằng mẫu nghiên cứu phản ánh đầy đủ sự đa dạng của các nhóm trong tổng thể.

Công cụ nghiên cứu và kỹ thuật thu thập thông tin

Bảng câu hỏi khảo sát được thiết kế dựa trên các nghiên cứu trước đây (Nguyen & Phan, 2012; Phan et al., 2020) và được điều chỉnh để phù hợp với bối cảnh nghiên cứu. Bảng câu hỏi được kiểm tra thử nghiệm (pilot test) với một nhóm nhỏ sinh viên (30 – 50 người) nhằm đánh giá độ tin cậy và hiệu lực của thang đo, sau đó điều chỉnh để tối ưu hóa.

Quy trình thu thập dữ liệu gồm hai hình thức:

Trực tuyến: Google Forms được sử dụng để phân phối bảng câu hỏi qua email và các nhóm mạng xã hội.

Trực tiếp: Bảng câu hỏi giấy được phát tại các lớp học hoặc sự kiện sinh viên.

Phân tích dữ liệu

Dữ liệu thu thập được phân tích dựa trên quy trình thống kê khoa học được mô tả bởi Trong and Chu (2008). Mẫu được phân tích thống kê mô tả và

đánh giá độ tin cậy của thang đo Hệ số Cronbach's Alpha. Nunnally (1978), các thang đo có hệ số Cronbach's Alpha $\geq 0,7$ được coi là đáng tin cậy. Các biến quan sát có tương quan biến - tổng $< 0,3$ sẽ bị loại bỏ.

Phân tích nhân tố khám phá (Exploratory Factor Analysis - EFA)

Theo Trong and Chu (2008), hệ số KMO (Kaiser-Meyer-Olkin) được sử dụng để kiểm tra mức độ phù hợp của dữ liệu, với giá trị trên 0,5 cho thấy dữ liệu đạt điều kiện để phân tích, trong đó các mức từ 0,7 trở lên được đánh giá là tốt đến tuyệt vời. Đồng thời, kiểm định Bartlett's Test giúp xác định tương quan tuyến tính giữa các biến, yêu cầu giá trị Sig. nhỏ hơn 0,05 để đảm bảo tính phù hợp. Hệ số tải nhân tố (Factor Loading) phản ánh mức độ đóng góp của từng biến vào các nhân tố chung, với ngưỡng tối thiểu là 0,3, trong khi giá trị từ 0,5 trở lên được xem là đáng tin cậy. Ngoài ra, tổng phương sai trích cần đạt tối thiểu 50% để đảm bảo các nhân tố rút trích giải thích đủ biến thiên của dữ liệu, đặc biệt trong các nghiên cứu xã hội. Tính hội tụ được đánh giá thông qua mức tương quan cao giữa các biến trong cùng một nhân tố, đảm bảo các biến có sự khác biệt rõ ràng với nhân tố khác. Cuối cùng, độ tin cậy của thang đo được kiểm tra bằng hệ số Cronbach's Alpha, với giá trị từ 0,7 trở lên thể hiện tính nhất quán nội tại tốt và từ 0,8 trở lên là rất tốt. Những tiêu chí này đảm bảo phân tích EFA đạt chất lượng cao và có giá trị ứng dụng trong nghiên cứu.

Phân tích hồi quy bội

Theo Trong and Chu (2008), việc phân tích hồi quy bội bao gồm các bước chính sau: Đầu tiên, các giả định cơ bản được kiểm tra như đa cộng tuyến ($VIF < 10$), tính độc lập của sai số (Durbin-Watson từ 1,5 đến 2,5), tính phân phối chuẩn của sai số qua histogram hoặc kiểm định Kolmogorov-Smirnov và tính đồng nhất phương sai qua biểu đồ scatter plot. Sau đó, việc kiểm định ý nghĩa của mô hình được thực hiện bằng kiểm định F (Sig. $< 0,05$) để xác nhận tính phù hợp, đồng thời đánh giá mức độ giải thích

của mô hình qua R^2 và R^2 hiệu chỉnh. Cuối cùng, mô hình được đánh giá, giải thích kết quả, và xây dựng phương trình hồi quy nhằm rút ra các kết luận và khuyến nghị thực tiễn.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Kết quả khảo sát giới tính của sinh viên

Kết quả khảo sát giới tính của sinh viên được mô tả trong Bảng 1.

Kết quả Bảng 1 cho thấy trong tổng số 252 sinh viên tham gia khảo sát, có 198 nữ, chiếm 78,6%, số lượng nam là 54, chiếm 21,4%. Tỷ lệ này phản ánh sự chênh lệch lớn về giới tính, với sinh viên nữ chiếm đa số tại Khoa Ngoại ngữ. Điều này phù hợp với đặc điểm phổ biến tại các Khoa Ngoại ngữ, nơi sinh viên nữ thường có xu hướng chiếm tỷ lệ cao hơn sinh viên nam. Sự khác biệt đáng kể này cũng có thể ảnh hưởng đến nhu cầu và ưu tiên hỗ trợ học tập, đòi hỏi nhà trường cần cân nhắc các chính sách hỗ trợ phù hợp với đặc điểm giới tính của sinh viên.

Bảng 1. Kết quả khảo sát giới tính của sinh viên

Giới tính	Tần suất	Tỷ lệ (%)
Nam	54	21,4
Nữ	198	78,6
Tổng	252	100,0

3.2. Kết quả khảo sát năm học của sinh viên

Kết quả khảo sát số năm theo học của sinh viên được trình bày trong Bảng 2.

Kết quả thống kê mô tả về số năm học của sinh viên tham gia khảo sát được trình bày trong Bảng 2. Trong tổng số 252 sinh viên tham gia, mỗi nhóm sinh viên thuộc từng năm học từ năm nhất đến năm bốn đều có cùng số lượng là 63 sinh viên, chiếm 25% tổng mẫu khảo sát. Sự phân bố đồng đều này đảm bảo rằng các nhóm sinh viên từ các năm học khác nhau đều được đại diện một cách cân đối trong nghiên cứu. Điều này cũng tạo điều kiện thuận lợi để so sánh sự khác biệt về nhu cầu hỗ trợ học tập giữa các năm học, qua đó làm rõ mối quan hệ giữa giai đoạn học tập và nhu cầu hỗ trợ.

Bảng 2. Mô tả số năm đang theo học của sinh viên

Năm học	Tần suất	Tỷ lệ (%)
Năm nhất	63	25,0
Năm hai	63	25,0
Năm ba	63	25,0
Năm bốn	63	25,0
Tổng	252	100,0

3.3. Kết quả khảo sát ngôn ngữ theo học của sinh viên

Kết quả khảo sát ngôn ngữ sinh viên đang theo học được mô tả trong Bảng 3

Kết quả cho thấy trong tổng số 252 sinh viên tham gia khảo sát, có 211 sinh viên học tiếng Anh, chiếm 83,7%, trong khi đó, chỉ có 41 sinh viên học tiếng Pháp, chiếm 16,3%. Tỷ lệ này cho thấy tiếng Anh là ngôn ngữ được đa số sinh viên lựa chọn tại Khoa Ngoại ngữ, phản ánh sự phổ biến và nhu cầu cao đối với tiếng Anh trong bối cảnh giáo dục và thị trường lao động. Mặt khác, số lượng sinh viên học tiếng Pháp tương đối thấp, điều này có thể liên quan đến nhu cầu sử dụng tiếng Pháp hạn chế hơn hoặc các yếu tố khác như chương trình đào tạo và cơ hội việc làm. Sự chênh lệch này đòi hỏi nhà trường cần nhắc điều chỉnh các chính sách hỗ trợ học tập phù hợp cho từng nhóm sinh viên để đảm bảo chất lượng đào tạo và đáp ứng nhu cầu cá nhân.

Bảng 3. Kết quả khảo sát ngôn ngữ của sinh viên đang theo học

Ngôn ngữ theo học	Tần suất	Tỷ lệ (%)
Tiếng Anh	211	83,7
Tiếng Pháp	41	16,3
Tổng	252	100,0

Bảng 4. Kết quả khảo sát nhân tố “Hỗ trợ từ giảng viên”

Hỗ trợ từ giảng viên	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Xếp hạng
Anh/Chị cảm thấy dễ dàng tiếp cận giảng viên để nhận sự hỗ trợ khi cần.	3,50	0,52	1
Giảng viên luôn sẵn sàng hỗ trợ khi bạn gặp khó khăn trong học tập.	3,42	0,63	2
Giảng viên thường xuyên tư vấn và định hướng học tập cho Anh/Chị.	3,40	0,66	3
Giảng viên hỗ trợ bạn trong việc giải quyết các vấn đề học tập ngoài giờ lên lớp.	3,35	0,66	4
Giảng viên tạo môi trường học tập cởi mở và thân thiện.	3,32	0,62	5
Phương pháp giảng dạy của giảng viên giúp Anh/Chị tiếp thu bài hiệu quả.	3,29	0,61	6

Nhìn chung, khả năng tiếp cận giảng viên và sự sẵn sàng hỗ trợ được đánh giá cao, cho thấy đây là điểm mạnh cần được duy trì. Tuy nhiên, hoạt động tư vấn, định hướng học tập và hỗ trợ ngoài giờ chưa đáp ứng đủ nhu cầu, đồng thời phương pháp giảng dạy và môi trường học tập cần được cải thiện để đáp ứng tốt hơn kỳ vọng của sinh viên. Các đề xuất bao gồm tăng cường tương tác giữa giảng viên và sinh viên qua các buổi gặp gỡ định kỳ, áp dụng các

3.4. Kết quả khảo sát nhân tố Hỗ trợ từ giảng viên

Kết quả khảo sát được trình bày trong Bảng 4.

Kết quả thống kê mô tả trong Bảng 4 cho thấy sinh viên Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Cần Thơ đánh giá tích cực về mức độ hỗ trợ từ giảng viên với điểm trung bình dao động từ 3,29 đến 3,50. Điều này phản ánh sự đồng thuận tương đối của sinh viên về các khía cạnh hỗ trợ, mặc dù vẫn có sự chênh lệch giữa các tiêu chí. Các tiêu chí như “dễ dàng tiếp cận giảng viên để nhận sự hỗ trợ khi cần” được đánh giá cao nhất, trong khi “phương pháp giảng dạy giúp tiếp thu bài hiệu quả” lại nhận được mức đánh giá thấp nhất. Qua đó, kết quả cho thấy giữa các sinh viên luôn có nhu cầu cần được hỗ trợ khác nhau.

Sinh viên đánh giá cao khả năng tiếp cận giảng viên với mức điểm trung bình cao nhất là 3,50, cho thấy sự thuận lợi trong giao tiếp và nhận hỗ trợ khi cần thiết. Tuy nhiên, mức độ sẵn sàng hỗ trợ và tư vấn định hướng học tập, dù nhận điểm trung bình khá cao (3,42 và 3,40), vẫn chưa thực sự đáp ứng kỳ vọng của một số sinh viên. Các tiêu chí về hỗ trợ ngoài giờ, tạo môi trường học tập thân thiện và phương pháp giảng dạy lại có điểm số thấp hơn, lần lượt là 3,35; 3,32 và 3,29, phản ánh rằng những khía cạnh này cần được cải thiện hơn nữa để nâng cao trải nghiệm học tập.

phương pháp giảng dạy hiện đại như học tập chủ động và xây dựng môi trường học tập thân thiện hơn để cải thiện toàn diện chất lượng hỗ trợ học tập tại Khoa Ngoại ngữ.

3.5. Kết quả khảo sát nhân tố Cơ sở vật chất và tài nguyên học tập

Kết quả khảo sát về nhu cầu sử dụng cơ sở vật chất của sinh viên khi theo học tại trường được trình bày trong Bảng 5.

Kết quả Bảng 5 cho thấy sinh viên có mức độ hài lòng tương đối cao về cơ sở vật chất và tài nguyên học tập. Điểm trung bình dao động từ 3,51 đến 3,57 tiêu chí “Trang thiết bị học tập (máy chiếu, máy tính, wifi) luôn sẵn sàng và hoạt động hiệu quả” đạt điểm trung bình cao nhất (3,57), trong khi tiêu chí “Bạn cảm thấy hài lòng với các tài nguyên học tập do nhà trường cung cấp” có điểm thấp nhất (3,51). Mặc dù các tiêu chí đều đạt mức trung bình khá, nhưng độ lệch chuẩn dao động từ 0,59 đến 0,63, cho thấy có sự khác biệt nhất định trong đánh giá của sinh viên về chất lượng cơ sở vật chất và tài nguyên học tập.

Sinh viên đánh giá cao sự sẵn sàng và hiệu quả hoạt động của các trang thiết bị học tập như máy chiếu, máy tính và wifi, với điểm trung bình 3,57, xếp hạng đầu tiên. Điều này cho thấy nhà trường đã đầu tư vào việc đảm bảo các thiết bị cần thiết phục vụ học tập. Phòng học được trang bị đầy đủ và tiện nghi đứng ở vị trí thứ hai (3,53), phản ánh sự cải thiện về không gian học tập, tuy nhiên vẫn còn một số điểm cần nâng cấp để đáp ứng tốt hơn kỳ vọng. Tài liệu học tập tại thư viện và nguồn tài nguyên trực tuyến nhận được điểm trung bình 3,52, xếp hạng thứ ba, cho thấy sự hỗ trợ này khá hiệu quả nhưng có thể

mở rộng thêm về số lượng và chất lượng. Cuối cùng, sự hài lòng tổng quan về tài nguyên học tập đạt điểm 3,51, xếp hạng thấp nhất, cho thấy vẫn còn không gian để cải thiện nhằm tăng mức độ hài lòng của sinh viên.

Nhìn chung, nhân tố này đáp ứng tốt nhu cầu cần được hỗ trợ của sinh viên. Tuy nhiên, các tài nguyên học tập như tài liệu tại thư viện và nguồn trực tuyến vẫn cần được mở rộng để tăng chất lượng và khả năng tiếp cận. Mức độ hài lòng tổng thể của sinh viên về tài nguyên học tập cũng cho thấy vẫn còn không gian để cải thiện. Để tối ưu hóa, nhà trường nên duy trì và thường xuyên bảo trì các trang thiết bị học tập, đồng thời đầu tư thêm vào các công nghệ mới phù hợp với nhu cầu hiện đại. Ngoài ra, cần mở rộng số lượng và chất lượng tài liệu học tập, sách tham khảo, cũng như các nguồn trực tuyến để hỗ trợ tốt hơn cho sinh viên. Việc cải thiện không gian học tập thông qua nâng cấp phòng học và khu vực học tập tiện nghi, thoải mái cũng rất cần thiết. Cuối cùng, các cuộc khảo sát thường xuyên cần được thực hiện để thu thập ý kiến và đề xuất từ sinh viên sẽ giúp nhà trường hiểu rõ hơn nhu cầu thực tế và kịp thời điều chỉnh nhằm nâng cao trải nghiệm học tập.

Bảng 5. Kết quả khảo sát nhân tố “Cơ sở vật chất và tài nguyên học tập”

Cơ sở vật chất và tài nguyên học tập	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Xếp hạng
Trang thiết bị học tập (máy chiếu, máy tính, wifi) luôn sẵn sàng và hoạt động hiệu quả.	3,57	0,59	1
Phòng học được trang bị đầy đủ và tiện nghi.	3,53	0,60	2
Tài liệu học tập tại thư viện và nguồn tài nguyên trực tuyến đáp ứng tốt nhu cầu của bạn.	3,52	0,62	3
Luôn cảm thấy hài lòng với cơ sở vật chất và tài nguyên học tập.	3,51	0,63	4

3.6. Kết quả khảo sát nhân tố Môi trường học tập và văn hóa trường học

Kết quả khảo sát nhân tố này được thể hiện ở Bảng 6.

Kết quả thống kê mô tả trong Bảng 6 cho thấy sinh viên đánh giá mức độ tích cực của môi trường học tập và văn hóa trường học ở mức khá, với điểm trung bình dao động từ 3,40 đến 3,44. Tiêu chí “Anh/Chị có cơ hội xây dựng mối quan hệ tốt với giảng viên và bạn học” đạt điểm trung bình cao nhất (3,44), trong khi tiêu chí “Nhà trường tổ chức nhiều hoạt động học thuật gắn kết sinh viên” có điểm thấp nhất (3,40). Độ lệch chuẩn dao động từ 0,644 đến 0,688, điều này cho thấy có sự khác biệt nhỏ trong nhận định của sinh viên về các yếu tố được khảo sát.

Tiêu chí về cơ hội xây dựng mối quan hệ tốt với giảng viên và bạn học có điểm trung bình cao nhất (3,44), cho thấy sự hài lòng của sinh viên trong việc tương tác và kết nối trong môi trường học tập. Các tiêu chí “Văn hóa trường học tạo cảm giác thoải mái và tích cực” và “Môi trường học tập tại trường thúc đẩy bạn hoàn thiện bản thân” có cùng điểm trung bình (3,44), phản ánh sự nhất quán trong việc đánh giá văn hóa và tác động tích cực của môi trường học tập. Tuy nhiên, môi trường học tập khuyến khích sự hợp tác và sáng tạo được đánh giá thấp hơn một chút (3,44), cho thấy có thể cần cải thiện thêm để phát huy tốt hơn tinh thần sáng tạo và hợp tác giữa sinh viên. Tiêu chí cuối cùng về các hoạt động học thuật gắn

kết sinh viên nhận điểm thấp nhất (3,40), thể hiện rằng các chương trình học thuật vẫn chưa

đủ hấp dẫn hoặc phù hợp để thúc đẩy sự tham gia của sinh viên.

Bảng 6. Kết quả khảo sát nhân tố Môi trường học tập và văn hóa trường học

Môi trường học tập và văn hóa trường học	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Xếp hạng
Anh/Chị có cơ hội xây dựng mối quan hệ tốt với giảng viên và bạn học.	3,44	0,66	1
Văn hóa trường học tạo cảm giác thoải mái và tích cực.	3,44	0,66	2
Môi trường học tập tại trường thúc đẩy bạn hoàn thiện bản thân.	3,44	0,64	2
Môi trường học tập khuyến khích sự hợp tác và sáng tạo.	3,44	0,65	4
Nhà trường tổ chức nhiều hoạt động học thuật gắn kết sinh viên.	3,40	0,68	5

Môi trường học tập và văn hóa trường học của nhà trường đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng mối quan hệ và hỗ trợ sinh viên hoàn thiện bản thân, nhưng vẫn cần cải thiện để phát huy hơn nữa tinh thần hợp tác và sáng tạo. Để nâng cao chất lượng, nhà trường có thể tập trung vào việc tổ chức thêm các hoạt động học thuật có tính gắn kết cao hơn, như hội thảo, các buổi thuyết trình, hoặc dự án nhóm. Đồng thời, việc xây dựng văn hóa trường học tích cực cần được duy trì, với các chương trình khuyến khích sáng tạo và thúc đẩy hợp tác giữa các sinh viên. Việc cải thiện các hoạt động này không chỉ nâng cao sự hài lòng mà còn tạo động lực mạnh mẽ để sinh viên phát triển toàn diện trong môi trường học tập.

3.7. Kết quả khảo sát nhân tố Hỗ trợ tâm lý và tư vấn học tập

Kết quả phân tích thống kê mô tả nhân tố Hỗ trợ tâm lý và tư vấn học tập được trình bày trong Bảng 7.

Kết quả thống kê mô tả trong Bảng 7 cho thấy sinh viên đánh giá cao các chương trình hỗ trợ tâm lý và tư vấn học tập, với điểm trung bình dao động từ 3,52 đến 3,60. Tiêu chí “Anh/Chị cảm thấy an tâm với các chương trình hỗ trợ tâm lý do nhà trường cung cấp” có điểm trung bình cao nhất (3,60), trong khi tiêu chí “Các dịch vụ tư vấn học tập giúp Anh/Chị định hướng và cải thiện hiệu quả học tập” nhận điểm trung bình thấp hơn (3,52). Độ lệch

chuẩn dao động từ 0,65 đến 0,70 phản ánh sự phân hóa nhất định trong ý kiến của sinh viên về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ này.

Tiêu chí “Anh/Chị cảm thấy an tâm với các chương trình hỗ trợ tâm lý do nhà trường cung cấp” đạt điểm cao nhất (3,60), cho thấy sinh viên tin tưởng và đánh giá tích cực về các chương trình hỗ trợ tâm lý. Tuy nhiên, tiêu chí “Anh/Chị nhận được hỗ trợ tâm lý khi gặp áp lực trong học tập” với điểm trung bình 3,53, xếp hạng thứ hai, cho thấy vẫn có một số trường hợp sinh viên chưa nhận được sự hỗ trợ kịp thời hoặc đầy đủ khi cần thiết. Tiêu chí cuối cùng, “Các dịch vụ tư vấn học tập giúp Anh/Chị định hướng và cải thiện hiệu quả học tập,” nhận điểm trung bình thấp nhất (3,52), phản ánh rằng các dịch vụ này cần cải thiện để hỗ trợ tốt hơn cho sinh viên trong việc tối ưu hóa hiệu quả học tập.

Nhìn chung, các chương trình hỗ trợ tâm lý và tư vấn học tập của nhà trường đã tạo được sự an tâm nhất định cho sinh viên, nhưng vẫn cần cải thiện về chất lượng và tính kịp thời. Nhà trường nên tập trung nâng cao tính dễ tiếp cận của các dịch vụ hỗ trợ, đảm bảo rằng mọi sinh viên đều nhận được sự hỗ trợ khi cần thiết. Việc tăng cường truyền thông và khuyến khích sinh viên tham gia các chương trình hỗ trợ cũng là một giải pháp hiệu quả nhằm nâng cao nhận thức và mức độ hài lòng của sinh viên đối với các dịch vụ này.

Bảng 7. Kết quả khảo sát nhân tố “Hỗ trợ tâm lý và tư vấn học tập”

Hỗ trợ tâm lý và tư vấn học tập	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Xếp hạng
Anh/Chị cảm thấy an tâm với các chương trình hỗ trợ tâm lý do nhà trường cung cấp.	3,60	0,65	1
Anh/Chị nhận được hỗ trợ tâm lý khi gặp áp lực trong học tập.	3,53	0,68	2
Các dịch vụ tư vấn học tập giúp Anh/Chị định hướng và cải thiện hiệu quả học tập.	3,52	0,70	3

3.8. Kết quả khảo sát nhân tố Hoạt động ngoại khóa và phát triển kỹ năng mềm

Thống kê mô tả về nhu cầu tham gia các hoạt động ngoại khóa và phát triển kỹ năng mềm của sinh viên được trình bày trong Bảng 8.

Kết quả thống kê mô tả trong Bảng 8 cho thấy sinh viên đánh giá khá tích cực về các hoạt động ngoại khóa và cơ hội phát triển kỹ năng mềm tại trường, với điểm trung bình dao động từ 3,53 đến 3,79. Tiêu chí “Nhà trường tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa bổ ích và thú vị” có điểm trung bình cao nhất (3,79), trong khi tiêu chí “Anh/Chị được khuyến khích tham gia các hội thảo chuyên môn hoặc diễn đàn học thuật” nhận điểm thấp nhất (3,53). Độ lệch chuẩn từ 0,65 đến 0,71 cho thấy có sự khác biệt nhất định trong ý kiến của sinh viên về các hoạt động ngoại khóa và chương trình phát triển kỹ năng mềm.

Tiêu chí “Nhà trường tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa bổ ích và thú vị” đạt điểm trung bình cao nhất (3,79), cho thấy sinh viên đánh giá cao sự đa dạng và hấp dẫn của các chương trình ngoại khóa. Tiêu chí “Anh/Chị có cơ hội tham gia các khóa đào tạo kỹ năng mềm” (3,59) và “Các chương trình ngoại khóa mang lại giá trị thực tiễn cho việc học tập và phát triển bản thân” (3,59) được đánh giá tích cực, phản ánh rằng các hoạt động này mang lại những lợi ích rõ ràng. Tiêu chí “Hoạt động

ngoại khóa giúp bạn phát triển các kỹ năng xã hội cần thiết” nhận điểm trung bình thấp hơn (3,57), cho thấy vẫn cần cải thiện để các hoạt động hỗ trợ tốt hơn cho việc phát triển kỹ năng xã hội. Hai tiêu chí cuối cùng, “Các câu lạc bộ trong trường đáp ứng được sở thích và nhu cầu phát triển của bạn” (3,54) và “Anh/Chị được khuyến khích tham gia các hội thảo chuyên môn hoặc diễn đàn học thuật” (3,53), có điểm thấp hơn, gợi ý rằng các chương trình này chưa thực sự hấp dẫn hoặc phù hợp với kỳ vọng của sinh viên.

Nhà trường đã tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa bổ ích và đa dạng, giúp sinh viên phát triển kỹ năng mềm và mang lại giá trị thực tiễn trong học tập và phát triển bản thân. Tuy nhiên, các hoạt động nhằm phát triển kỹ năng xã hội và tham gia các hội thảo chuyên môn vẫn cần được chú trọng hơn để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của sinh viên. Để cải thiện, nhà trường nên tăng cường tổ chức các chương trình đào tạo kỹ năng xã hội và nâng cao tính hấp dẫn của các câu lạc bộ. Đồng thời, việc khuyến khích sinh viên tham gia các diễn đàn học thuật, hội thảo chuyên môn cần được đẩy mạnh bằng cách thiết kế các chương trình phù hợp hơn với sở thích và nhu cầu thực tế của sinh viên. Việc cải thiện này không chỉ nâng cao sự hài lòng mà còn tạo nền tảng vững chắc cho sinh viên trong việc phát triển toàn diện kỹ năng cá nhân và xã hội.

Bảng 8. Kết quả khảo sát nhân tố “Môi trường học tập và văn hóa trường học”

E. Hoạt động ngoại khóa và phát triển kỹ năng mềm	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Xếp hạng
Có nhiều hoạt động ngoại khóa hấp dẫn phù hợp với sinh viên.	3,79	0,71	1
Anh/Chị có cơ hội tham gia các khóa đào tạo kỹ năng mềm.	3,59	0,67	2
Các chương trình ngoại khóa mang lại giá trị thực tiễn cho việc học tập và phát triển bản thân.	3,59	0,65	3
Hoạt động ngoại khóa giúp bạn phát triển các kỹ năng xã hội cần thiết.	3,57	0,67	4
Các câu lạc bộ trong trường đáp ứng được sở thích và nhu cầu phát triển của bạn.	3,54	0,68	5
Anh/Chị được khuyến khích tham gia các hội thảo chuyên môn hoặc diễn đàn học thuật.	3,53	0,69	6

3.9. Kết quả khảo sát nhân tố Hỗ trợ tài chính và học bổng

Kết quả phân tích được trình bày trong bảng sau:

Kết quả thống kê mô tả trong Bảng 9 cho thấy sinh viên đánh giá mức độ hỗ trợ tài chính và học bổng ở mức khá, với điểm trung bình dao động từ 3,45 đến 3,51. Tiêu chí “Anh/Chị được cung cấp

thông tin đầy đủ về các chương trình học bổng” có điểm trung bình cao nhất (3,51), trong khi tiêu chí “Anh/Chị có cơ hội nhận được các hỗ trợ tài chính ngoài học bổng (vay ưu đãi, trợ cấp)” nhận điểm thấp nhất (3,45). Độ lệch chuẩn dao động từ 0,64 đến 0,72, điều này phản ánh sự khác biệt vừa phải trong nhận định của sinh viên về các dịch vụ hỗ trợ tài chính.

Bảng 9. Kết quả khảo sát nhân tố “Hỗ trợ tài chính và học bổng”

Hỗ trợ tài chính và học bổng	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Xếp hạng
Anh/Chị được cung cấp thông tin đầy đủ về các chương trình học bổng.	3,51	0,65	1
Sinh viên luôn nhận được các thông tin về chương trình hỗ trợ tài chính kịp thời.	3,51	0,64	2
Hỗ trợ tài chính từ nhà trường giúp giảm bớt áp lực kinh tế.	3,48	0,67	3
Các chương trình học bổng được phân phối công bằng và hợp lý.	3,45	0,67	4
Anh/Chị có cơ hội nhận được các hỗ trợ tài chính ngoài học bổng (vay ưu đãi, trợ cấp).	3,45	0,72	5

Sinh viên đánh giá cao việc được cung cấp thông tin đầy đủ về các chương trình học bổng (3,51), cho thấy nhà trường đã thực hiện tốt việc truyền thông và minh bạch thông tin liên quan đến học bổng. Tiêu chí “Nhà trường khuyến khích sinh viên có hoàn cảnh khó khăn tham gia các chương trình hỗ trợ tài chính” (3,51) cũng được đánh giá tích cực, thể hiện sự quan tâm của nhà trường đến nhóm sinh viên yếu thế. Hỗ trợ tài chính giúp giảm áp lực kinh tế cho sinh viên đạt điểm trung bình khá (3,48), tuy nhiên vẫn có không gian để cải thiện. Hai tiêu chí cuối cùng, “Các chương trình học bổng được phân phối công bằng và hợp lý” (3,45) và “Anh/Chị có cơ hội nhận được các hỗ trợ tài chính ngoài học bổng (vay ưu đãi, trợ cấp)” (3,45), có điểm thấp nhất, gợi ý rằng vẫn còn một số hạn chế trong cách thức phân phối và tính khả dụng của các hỗ trợ tài chính ngoài học bổng.

Nhìn chung, sinh viên hài lòng với việc cung cấp thông tin và khuyến khích tham gia các chương trình hỗ trợ tài chính, nhưng vẫn còn những điểm cần cải thiện trong cách thức triển khai và khả năng tiếp cận hỗ trợ tài chính ngoài học bổng. Để nâng cao hiệu quả, nhà trường nên đảm bảo tính công bằng trong phân phối học bổng và tăng cường các chương trình

hỗ trợ tài chính bổ sung như vay ưu đãi hoặc trợ cấp. Đồng thời, khả năng tiếp cận và đa dạng hóa các nguồn hỗ trợ cần được cải thiện để giảm bớt áp lực kinh tế cho sinh viên. Việc cải tiến này giúp nâng cao mức độ hài lòng và khuyến khích sinh viên tận dụng tốt hơn các cơ hội hỗ trợ tài chính từ nhà trường.

3.10. Kết quả khảo sát nhân tố Nhu cầu cần hỗ trợ học tập

Kết quả phân tích nhân tố này được trình bày trong Bảng 10.

Kết quả thống kê mô tả trong Bảng 10 cho thấy sinh viên đánh giá tổng quan về nhu cầu hỗ trợ ở mức trung bình khá, với điểm trung bình dao động từ 3,34 đến 3,41. Tiêu chí “Nhu cầu hỗ trợ của Anh/Chị được đáp ứng đầy đủ trong quá trình học tập” đạt điểm trung bình cao nhất (3,41), trong khi hai tiêu chí “Các dịch vụ hỗ trợ học tập của nhà trường cần được cải thiện thêm” và “Anh/Chị mong muốn nhà trường mở rộng thêm các chương trình hỗ trợ sinh viên” cùng đạt điểm thấp hơn (3,34). Độ lệch chuẩn dao động từ 0,65 đến 0,68, kết quả cho thấy có sự khác biệt tương đối nhỏ trong nhận định của sinh viên.

Bảng 10. Kết khảo sát nhân tố Nhu cầu cần hỗ trợ học tập

Hỗ trợ tài chính và học bổng	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Xếp hạng
Nhu cầu hỗ trợ của Anh/Chị được đáp ứng đầy đủ trong quá trình học tập.	3,41	0,66	1
Anh/Chị cảm thấy nhà trường đáp ứng tốt nhu cầu hỗ trợ học tập của sinh viên.	3,40	0,65	2
Các dịch vụ hỗ trợ học tập của nhà trường cần được cải thiện thêm.	3,34	0,65	3
Anh/Chị mong muốn nhà trường mở rộng thêm các chương trình hỗ trợ sinh viên.	3,34	0,68	3

Tiêu chí “Nhu cầu hỗ trợ của Anh/Chị được đáp ứng đầy đủ trong quá trình học tập” đạt điểm cao nhất (3,41), cho thấy sinh viên tương đối hài lòng với việc đáp ứng nhu cầu hỗ trợ từ nhà trường. Tiêu

chí “Anh/Chị cảm thấy nhà trường đáp ứng tốt nhu cầu hỗ trợ học tập của sinh viên” đạt điểm trung bình 3,40, cho thấy vẫn còn một số sinh viên cảm thấy nhà trường chưa thực sự đáp ứng đầy đủ. Hai tiêu chí cuối cùng, “Các dịch vụ hỗ trợ học tập của nhà

trường cần được cải thiện thêm” và “Anh/Chị mong muốn nhà trường mở rộng thêm các chương trình hỗ trợ sinh viên,” cùng đạt điểm trung bình thấp nhất (3,34), phản ánh nhu cầu cải thiện và mở rộng các chương trình hỗ trợ hiện tại của nhà trường.

Kết quả cho thấy sinh viên tương đối hài lòng với mức độ đáp ứng nhu cầu hỗ trợ học tập, nhưng vẫn có mong muốn cải thiện và mở rộng thêm các dịch vụ hỗ trợ. Để nâng cao chất lượng, nhà trường nên tiếp tục duy trì các dịch vụ hiện tại và tập trung cải thiện các chương trình hỗ trợ còn hạn chế. Việc tổ chức các khảo sát định kỳ để thu thập ý kiến và hiểu rõ nhu cầu của sinh viên sẽ giúp nhà trường triển khai các chương trình phù hợp hơn. Đồng thời, nhà trường cần đa dạng hóa các loại hình hỗ trợ để đáp ứng tốt hơn nhu cầu ngày càng cao của sinh viên, chẳng hạn như mở rộng các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ học thuật và tài chính; giúp nâng cao sự hài lòng và tạo động lực học tập tích cực cho sinh viên.

Bảng 11. Tổng hợp kết quả đánh giá độ tin cậy của các thang đo trong mô hình

Tên thang đo	Hệ số Cronbach' Alpha	Biến quan sát được chấp nhận	Đánh giá
Hỗ trợ từ giảng viên	0,82	GV1, GV2, GV3, GV4, GV5	Tốt
Cơ sở vật chất và tài nguyên học tập	0,93	CS1, CS2, CS3, CS4	Rất tốt
Môi trường học tập và văn hóa trường học	0,93	MT1, MT2, MT3, MT4, MT5	Rất tốt
Hỗ trợ tâm lý và tư vấn học tập	0,92	HT1, HT2, HT3	Rất tốt
Hoạt động ngoại khóa và phát triển kỹ năng mềm	0,94	HD2, HD3, HD4, HD5, HD6	Rất tốt
Hỗ trợ tài chính và học bổng	0,92	TC1, TC2, TC3, TC4, TC5	Rất tốt
Nhu cầu cần hỗ trợ học tập của sinh viên Khoa Ngoại Ngữ Trường Đại học Cần Thơ	0,89	NC1, NC2, NC3, NC4	Tốt

Đáng chú ý, thang đo Hoạt động ngoại khóa và phát triển kỹ năng mềm có hệ số Cronbach's Alpha cao nhất (0,94), khẳng định sự đồng nhất mạnh mẽ giữa các biến quan sát (HD2, HD3, HD4, HD5, HD6). Tương tự, thang đo Hỗ trợ tài chính và học bổng (0,92) và thang đo Nhu cầu cần hỗ trợ học tập (0,89) cũng đạt tiêu chuẩn tốt, cho thấy các biến quan sát được thiết kế phù hợp để đo lường các khía cạnh này và phù hợp cho các phân tích tiếp theo.

3.11.2. Phân tích nhân tố khám phá EFA

Các tiêu chí phân tích đánh giá được trình bày trong bảng sau:

Kết quả phân tích cũng chỉ ra được 06 nhóm nhân tố độc lập là:

3.11. Đánh giá độ tin cậy và phân tích nhân tố khám phá (EFA) trong mô hình nghiên cứu

3.11.1. Kết quả kiểm định Cronbach's Alpha

Kết quả kiểm định thang đo được tổng hợp trong Bảng 11.

Kết quả đánh giá độ tin cậy của các thang đo cho thấy tất cả các thang đo đều có giá trị Cronbach's Alpha từ 0,82 đến 0,94 cho thấy thang đo có độ tin cậy tốt. Cụ thể, thang đo Hỗ trợ từ giảng viên đạt Cronbach's Alpha 0,82, thuộc mức "Tốt", với 5 biến quan sát (GV1, GV2, GV3, GV4, GV5) được chấp nhận. Các thang đo khác như Cơ sở vật chất và tài nguyên học tập (0,93), Môi trường học tập và văn hóa trường học (0,93), và Hỗ trợ tâm lý và tư vấn học tập (0,92) đều đạt mức "Rất tốt".

– Nhân tố 1: Hỗ trợ từ giảng viên gồm 5 biến quan sát GV1, GV2, GV3, GV4, GV5.

– Nhân tố 2: Cơ sở vật chất và tài nguyên học tập gồm 4 biến quan sát là CS1, CS2, CS3, CS4.

– Nhân tố 3: Môi trường học tập và văn hóa trường học gồm 5 biến quan sát là MT1, MT2, MT3, MT4, MT5.

– Nhân tố 4: Hỗ trợ tâm lý và tư vấn học tập gồm 3 biến quan sát là HT1, HT2, HT3.

– Nhân tố 5: Hoạt động ngoại khóa và phát triển kỹ năng mềm gồm 5 biến quan sát là HD2, HD3, HD4, HD5, HD6.

– Nhân tố 6: Hỗ trợ tài chính và học bổng gồm 5 biến quan sát là TC1, TC2, TC3, TC4, TC5.

Bảng 12. Kết quả phân tích nhân tố khám phá

Hệ số KMO	Bartlett's Test of Sphericity	Eigenvalue	Phương sai trích
0,929 > 0,6	Sig. = 0,000 < 0,05	Có 06 nhân tố có hệ số Eigenvalue > 1	77,74

Rotated Component Matrix*						
	Component					
	1	2	3	4	5	6
MT2	0,833					
MT5	0,817					
MT3	0,808					
MT1	0,784					
MT4	0,755					
HD4		0,907				
HD2		0,902				
HD6		0,900				
HD3		0,884				
HD5		0,881				
TC1			0,798			
TC2			0,782			
TC3			0,755			
TC5			0,743			
TC4			0,719			
CS2				0,819		
CS1				0,806		
CS3				0,803		
CS4				0,781		
GV1					0,750	
GV2					0,733	
GV4					0,711	
GV3					0,701	
GV5					0,695	
HT3						0,804
HT1						0,780
HT2						0,743

Hình 1. Ma trận xoay nhân tố

Kết quả phân tích nhân tố khám phá (EFA) được trình bày trong Bảng 12 cho thấy các tiêu chí đều đạt yêu cầu, khẳng định dữ liệu phù hợp để thực hiện EFA. Hệ số KMO đạt 0,929, lớn hơn ngưỡng 0,6, cho thấy mẫu nghiên cứu đủ điều kiện để phân tích nhân tố. Kết quả kiểm định Bartlett's Test of Sphericity có giá trị Sig. = 0,000, nhỏ hơn 0,05, điều này khẳng định rằng các biến quan sát có tương quan tuyến tính với nhau, phù hợp để rút trích các nhân tố.

Kết quả trích xuất cho thấy có 06 nhân tố với hệ số Eigenvalue lớn hơn 1, phù hợp với cấu trúc lý thuyết đề xuất. Tổng phương sai trích đạt 77,74%, nghĩa là các nhân tố này giải thích được 77,74% biến thiên trong dữ liệu, vượt ngưỡng yêu cầu tối thiểu 50%, khẳng định các nhân tố rút trích có ý nghĩa và đại diện tốt cho dữ liệu. Những kết quả này chứng tỏ rằng mô hình nghiên cứu được xây dựng có cấu trúc hợp lý, các biến quan sát đo lường tốt các nhân tố cần nghiên cứu. Điều này tạo cơ sở vững chắc cho các phân tích tiếp theo.

3.12. Thảo luận kết quả nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu cho thấy tất cả các nhân tố trong mô hình đều có tác động đáng kể đến nhu cầu

hỗ trợ học tập của sinh viên, với mức ý nghĩa thống kê $p\text{-value} < 0,05$. Trong đó, việc hỗ trợ tài chính và học bổng được xác định là nhân tố có ảnh hưởng mạnh mẽ nhất ($\beta = 0,299$), phản ánh vai trò quan trọng của các chính sách tài chính trong việc giảm bớt gánh nặng kinh tế và tạo điều kiện thuận lợi để sinh viên tập trung vào học tập. Kết quả này hoàn toàn phù hợp với nghiên cứu của Phan et al. (2020), nhấn mạnh rằng các chương trình hỗ trợ tài chính giúp cải thiện động lực và kết quả học tập của sinh viên. Điều này cũng tương thích với phát hiện của Pascarella and Terenzini (2005), khi họ chỉ ra rằng hỗ trợ tài chính là yếu tố không thể thiếu trong việc duy trì sự tham gia và thành công học tập của sinh viên.

Tiếp theo, việc hỗ trợ tâm lý và tư vấn học tập đứng thứ hai về mức độ ảnh hưởng ($\beta = 0,240$), điều này giúp nhấn mạnh sự cần thiết của các dịch vụ hỗ trợ về mặt tinh thần và hướng dẫn học tập. Sinh viên có nhu cầu cao trong việc được hỗ trợ để vượt qua căng thẳng và khó khăn cá nhân, phù hợp với kết quả của Yorke & Longden (2004), khi các tác giả khẳng định rằng tư vấn tâm lý hiệu quả có thể giúp cải thiện trải nghiệm học tập và giảm tỷ lệ bỏ học. Điều này cũng tương đồng với phát hiện của Nguyen và Phan (2012), khi nhấn mạnh vai trò của tư vấn học tập trong việc tăng cường động lực học tập.

Nhân tố môi trường học tập và văn hóa trường học xếp thứ ba với hệ số $\beta = 0,225$, kết quả này khẳng định rằng một môi trường học tập tích cực và gắn kết có tác động lớn đến nhu cầu hỗ trợ học tập của sinh viên. Phát hiện này phù hợp với lý thuyết hòa nhập học thuật và xã hội của Tinto (1993), cũng như nghiên cứu của Kuh et al. (2005), khi cả hai đều nhấn mạnh rằng môi trường học tập thân thiện và hỗ trợ văn hóa trường học giúp sinh viên cảm thấy được động viên và tăng cường sự gắn bó với trường học.

Cơ sở vật chất và tài nguyên học tập có mức độ ảnh hưởng đáng kể ($\beta = 0,203$) nhưng thấp hơn so với các yếu tố trên. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Phan et al. (2020), khi họ chỉ ra rằng điều kiện học tập đầy đủ là yếu tố quan trọng giúp sinh viên học tập hiệu quả hơn. Tuy nhiên, việc yếu tố này không chiếm vị trí cao có thể phản ánh rằng sinh viên đã phần nào hài lòng với cơ sở vật chất hiện tại hoặc không gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận tài nguyên học tập.

Hỗ trợ từ giảng viên xếp ở vị trí thứ năm với hệ số $\beta = 0,147$. Điều này cho thấy mặc dù giảng viên đóng vai trò quan trọng trong việc hướng dẫn và hỗ trợ học tập, sinh viên có thể đã nhận được mức độ hỗ trợ cơ bản, dẫn đến việc nhân tố này không nổi bật so với các yếu tố khác. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Nguyen and Phan (2012), nhấn mạnh rằng sự hỗ trợ từ giảng viên giúp nâng cao động lực và hiệu quả học tập, nhưng vai trò này có thể cần được cải thiện thêm để phát huy tối đa tiềm năng.

Cuối cùng, hoạt động ngoại khóa và phát triển kỹ năng mềm có mức độ ảnh hưởng thấp nhất ($\beta = 0,063$), mặc dù vẫn có ý nghĩa thống kê. Phát hiện này tương thích với nghiên cứu của Astin (1999), khi tác giả chỉ ra rằng các hoạt động ngoại khóa đóng vai trò hỗ trợ nhưng không phải là yếu tố chính thúc đẩy nhu cầu hỗ trợ học tập. Tuy nhiên, việc nâng cao chất lượng và tính liên kết của các chương trình ngoại khóa vẫn cần được chú trọng để hỗ trợ sinh viên phát triển toàn diện.

Kết quả nghiên cứu cũng cố các phát hiện trước đó, đồng thời cung cấp góc nhìn cụ thể hơn về bối cảnh của sinh viên Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Cần Thơ. Các nhân tố như hỗ trợ tài chính, tư vấn tâm lý và môi trường học tập tiếp tục được xác định là những yếu tố quan trọng, trong khi vai trò của giảng viên và các hoạt động ngoại khóa cần được cải thiện để đáp ứng tốt hơn nhu cầu thực tế của sinh viên.

4. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng nhu cầu hỗ trợ học tập của sinh viên Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Cần Thơ, chịu ảnh hưởng từ nhiều nhân tố khác nhau, bao gồm hỗ trợ tài chính và học bổng, hỗ trợ tâm lý và tư vấn học tập, môi trường học tập và văn hóa trường học, cơ sở vật chất và tài nguyên học tập, hỗ trợ từ giảng viên, cũng như hoạt động ngoại khóa và phát triển kỹ năng mềm. Trong đó, hỗ trợ tài chính và học bổng có mức độ ảnh hưởng cao nhất, nhấn mạnh tầm quan trọng của việc giảm bớt áp lực kinh tế đối với sinh viên. Đồng thời, hỗ trợ tâm lý, môi trường học tập và cơ sở vật chất cũng được xác định là các yếu tố quan trọng trong việc thúc đẩy động lực và hiệu quả học tập. Trong nghiên cứu này,

kết quả không chỉ củng cố các phát hiện trước đó mà còn cung cấp một góc nhìn cụ thể về bối cảnh sinh viên tại Khoa Ngoại ngữ, góp phần vào việc định hướng các chính sách hỗ trợ phù hợp hơn.

Về hỗ trợ tài chính và học bổng, nhà trường nên mở rộng các chương trình học bổng từ khuyến học đến toàn phần, đồng thời tăng cường hợp tác với các tổ chức bên ngoài và doanh nghiệp để tạo thêm nguồn quỹ hỗ trợ tài chính. Các chương trình việc làm bán thời gian trong trường hoặc thông qua kết nối với doanh nghiệp cần được cung cấp, giúp sinh viên có thêm thu nhập và phát triển kỹ năng làm việc. Đối với hỗ trợ tâm lý và tư vấn học tập, trung tâm tư vấn cần được thành lập hoặc nâng cấp với đội ngũ chuyên môn cao, tổ chức hội thảo về quản lý căng thẳng và kỹ năng học tập, đồng thời xây dựng kênh thông tin dễ tiếp cận để sinh viên nhận được hỗ trợ kịp thời. Về môi trường học tập và văn hóa trường học, các chương trình gắn kết giữa sinh viên và giảng viên nên được tổ chức như thảo luận học thuật hoặc hoạt động nhóm, khuyến khích sinh viên đóng góp ý kiến vào xây dựng văn hóa trường học qua khảo sát và diễn đàn. Trong lĩnh vực cơ sở vật chất và tài nguyên học tập, cần đầu tư thêm vào các phòng học, thư viện và nền tảng học tập trực tuyến, đồng thời thiết lập cơ chế phản hồi để sinh viên góp ý về cơ sở vật chất. Với hỗ trợ từ giảng viên, việc tăng cường đào tạo giảng viên về kỹ năng hỗ trợ, tổ chức các buổi hướng dẫn ngoài giờ học và xây dựng hệ thống phản hồi từ sinh viên cần được thực hiện để cải thiện chất lượng giảng dạy. Cuối cùng, về hoạt động ngoại khóa và phát triển kỹ năng mềm, nhà trường nên tổ chức các khóa học kỹ năng giao tiếp, quản lý thời gian, làm việc nhóm; đồng thời các câu lạc bộ và liên kết với doanh nghiệp cần được xây dựng để tổ chức hội thảo nghề nghiệp hoặc chương trình thực tập, nhằm chuẩn bị tốt hơn cho sinh viên khi ra trường.

LỜI CẢM ƠN

Nhóm tác giả xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến Ban Giám hiệu Trường Đại học Cần Thơ và Ban Chủ nhiệm Khoa Ngoại ngữ đã tạo điều kiện thuận lợi cho tác giả trong suốt quá trình thực hiện đề tài này. Xin gửi lời cảm ơn chân thành đến quý đồng nghiệp, bạn bè đã chia sẻ các kiến thức, kinh nghiệm quý báu hỗ trợ nhóm tác giả thực hiện đề tài này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO (REFERENCES)

- Astin, A. W. (1999). *Student involvement: A developmental theory for higher education*. *Journal of College Student Development*, 40(5), 518–529.
- Harvey, L., & Newton, J. (2004). Transforming quality evaluation. *Quality in Higher Education*, 10(2), 149–165. <https://doi.org/10.1080/1353832042000230635>
- Kuh, G. D., Kinzie, J., Schuh, J. H., & Whitt, E. J. (2005). *Student success in college: Creating conditions that matter*. Jossey-Bass.
- Kolb, D. A. (1984). *Experiential learning: Experience as the source of learning and development*. Prentice-Hall.
- Maslow, A. H. (1943). A theory of human motivation. *Psychological Review*, 50(4), 370–396. <https://doi.org/10.1037/h0054346>
- Nguyen, D. T., & Phan, A. T. T. (2012). Factors affecting students' learning motivation: Research at a university in Ha Noi. *Journal of Science and Technology*, 50(4), 45–55 (in Vietnamese).
- Nguyen, V. T. H. (2018). Career consulting work at universities in Vietnam. *Journal of Education*, 15(4), 45–55 (in Vietnamese).
- Pascarella, E. T., & Terenzini, P. T. (2005). *How college affects students: A third decade of research*. Jossey-Bass.
- Phan, T. T. H., Nguyen, T. H., & Nguyen, H. T. (2020). Factors affecting student learning outcomes: Research at Banking Academy – Bac Ninh Branch. *Journal of Scientific Education*, 66(3), 55–68 (in Vietnamese).
- Tinto, V. (1993). *Leaving college: Rethinking the causes and cures of student attrition* (2nd ed.). University of Chicago Press. <https://doi.org/10.7208/chicago/9780226922461.001.0001>
- Tran, H. T. T. (2020). An investigation into the academic support needs of students majored in English language. *Journal of Science and Technology*, 20(3), 55–70 (in Vietnamese).
- Trong, H., & Chu, N. N. M. (2008). *Scientific research methods in education*. Ha Noi National University Publishing House (in Vietnamese).
- Yorke, M., & Longden, B. (2004). *Retention and student success in higher education*. McGraw-Hill Education.